

MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA PHẬT GIÁO TRÚC LÂM THỜI TRẦN Ở BẮC GIANG

Tóm tắt: Bắc Giang là nơi đang lưu giữ nhiều dấu tích của các ngôi chùa Phật giáo Trúc Lâm thời Trần bên phía Tây dãy Yên Tử, chứng minh cho một thời kỳ phát triển hưng thịnh của Phật giáo. Đó là sự phân bố của hệ thống chùa Phật giáo Trúc Lâm, như: Chùa Sơn Tháp, chùa Bát Nhã, chùa Hồ Bắc, chùa Bình Long, chùa Am Vãi, v.v... Đặc biệt, chùa Vĩnh Nghiêm đã trở thành trung tâm đào tạo tăng đồ của Phật giáo Trúc Lâm. Cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14, miền đất ở sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang được xem như kinh đô Phật giáo thời Trần. Qua thời gian, hệ thống di tích Phật giáo Trúc Lâm và chùa Vĩnh Nghiêm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đóng một vai trò quan trọng và là một phần không thể tách rời trong quần thể di sản văn hóa và danh thắng Yên Tử gắn với Phật giáo Trúc Lâm. Bài viết này chỉ ra một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang qua sự phân bố của Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử, những dấu ấn, dấu tích, văn bia, đặc điểm của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần.

Từ khóa: Phật giáo, đặc trưng, Phật giáo Trúc Lâm, thời Trần, Bắc Giang

Dẫn nhập

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần có ý nghĩa rất lớn. Phật giáo Trúc Lâm tự có nét độc lập, tính nhập thế, tinh thần không phụ thuộc thân ngoại, đã khoác lên dân tộc chiếc áo tôn giáo thuần chất Việt. Nếu Đông Yên Tử (tỉnh Quảng Ninh) là nơi Phật hoàng Trần Nhân Tông tu tập, thì Tây Yên

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 10/01/2018; Ngày biên tập: 15/01/2018; Ngày duyệt đăng: 25/01/2018.

Tử (Bắc Giang) là con đường hoàng dương Phật pháp của Ngài. Sau khi Trần Nhân Tông nhập Niết Bàn, Pháp Loa và tổ đệ tam Huyền Quang cũng theo con đường phía Tây này thực hiện nhiệm vụ Phật sự của Trúc Lâm, cho mở mang, xây dựng chùa tháp, phát triển đạo Phật rộng khắp ở Bắc Giang. Bài viết này chỉ ra một số đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang qua sự phân bố của Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử, những dấu ấn, dấu tích, văn bia, đặc điểm của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần ở Bắc Giang.

1. Sự phân bố của Phật giáo Trúc lâm Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang

Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ra đời từ thời Trần, được phân bố trên một địa bàn rộng lớn, nhưng tập trung ở 3 tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Giang và Hải Dương. Trên địa bàn Quảng Ninh là hệ thống di tích thuộc khu vực Yên Tử, với hàng chục điểm di tích lớn, nhỏ; các di tích ở khu vực Đông Triều, trong đó có di tích chùa Quỳnh Lâm, Am Ngọa Vân. Ở Hải Dương là khu di tích chùa Thanh Mai, khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, cùng hơn 20 điểm di tích khác, có liên quan tới Phật giáo Trúc Lâm. Ở Bắc Giang, sườn Tây Yên Tử nằm trên địa phận huyện Sơn Động, huyện Lục Ngạn, huyện Lục Nam, huyện Yên Dũng gắn liền với sự hình thành và phát triển của Phật giáo Trúc Lâm. Đó là chùa Vĩnh Nghiêm - điểm nhấn đặc biệt quan trọng, một trung tâm Phật giáo nổi tiếng dưới thời Trần, cùng hệ thống Phật giáo Trúc Lâm phân bố suốt dọc triền phía Tây dãy núi Yên Tử. Tính từ Vĩnh Nghiêm ngược lên là: chùa Mã Yên, chùa Hòn Tháp, chùa Cao, chùa Khám Lạng, chùa Bình Long, đền Suối Mỡ, đền Trần, chùa Hòn Trứng, chùa Hồ Bắc (ở huyện Lục Nam), chùa Am Vãi, chùa Đồng Vành (ở huyện Lục Ngạn) và Khu bảo tồn Tây Yên Tử, với chùa Đèo Bụt, chùa Cầu, chùa Kim Quy (ở huyện Sơn Động).

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm, quan trọng trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Chùa được xây dựng từ khá sớm - thời Lý. Đến thời Trần được xây dựng thành trung tâm của Phật giáo Trúc Lâm. Sau khi từ bỏ ngai vàng đi tu, Trần Nhân Tông: “... đã biến ngôi chùa Vĩnh Nghiêm (còn gọi là chùa Đức La, hiện nay ở xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc

Giang) thành trụ sở Trung ương của Giáo hội Trúc Lâm, chứa đủ hồ sơ của tăng ni cả nước. Ông đã tổ chức nhiều lần độ tăng ni, mỗi lần không dưới một nghìn người”¹. Cả ba vị Tổ: Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang đều lấy chùa Vĩnh Nghiêm làm Trung tâm truyền bá Phật pháp của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử.

Từ trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm, nhiều ngôi chùa bên sườn Tây Yên Tử thuộc cánh cung Đông Triều cũng được trùng tu và xây dựng mới. Ngôi chùa được xây mới là chùa Hồ Bắc, chùa Ngọ ở Lục Nam, Bắc Giang. Các ngôi chùa khác: chùa Am Vãi, chùa Bình Long, chùa Cao, chùa Hòn Tháp, chùa Vĩnh Nghiêm được xây dựng từ thời nhà Lý, đến thời kỳ này đều được trùng tu mở rộng, mang đậm dấu ấn của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Mỗi ngôi chùa dù được xây mới hay trùng tu đều có một vị trí đặc biệt là được đặt trên những ngọn núi nối tiếp nhau nằm dọc cánh cung Đông Triều.

Địa phận Tây Yên Tử khởi đầu từ huyện Sơn Động, từ Sơn Động xuống đến Lục Ngạn, có chùa Am Vãi thuộc xã Nam Dương. Chùa nằm trên núi Am Ni. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* có ghi: “Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía Nam huyện Lục Ngạn. Mạch núi từ Phật Sơn và Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng nước trong không bao giờ cạn. Cạnh núi có hai cái bồn bằng đá, trên núi có nền chùa cũ”². Truyền thuyết kể lại: “Chùa Am Vãi sơ khai chỉ là một am nhỏ, có một vị sư trụ trì. Ở đây có một hang tiền và một hang gạo do mái đá núi tạo thành. Mỗi ngày cả hai hang chỉ đủ cung cấp cho vị sư này đủ dùng trong một ngày mà không bao giờ chảy hơn. Đến một ngày có một vị huynh đệ từ xa đến thăm quan cảnh chùa và ở lại dùng bữa cùng. Trụ trì chùa Am Vãi phải ra khơi cho hang tiền, gạo chảy ra đủ dùng cho hai người. Từ đó trở đi, hang tiền và hang gạo không bao giờ chảy ra nữa. Nhà sư không có tiền gạo để tu hành nên đã bỏ đi, từ đây chùa trở nên vắng sư - thành hoang phế”³.

Tiếp xuống Lục Nam có núi Phật Sơn, trên núi có chùa Ngọ hay còn gọi là chùa Đồng Vành. *Núi Phật Sơn là dải núi có hình đức Phật ngọa thiền nhập Niết Bàn đầu quay về phía Tây hướng về phía sông Lục Nam, chốn tổ Vĩnh Nghiêm*⁴. Trên núi Phật Sơn có chùa Hồ Thiên, am Ngọa Vân, chùa Ngọ (Đồng Vành) và một số di tích khác

do Pháp Loa xây dựng. Trong số các di tích đó thì chùa Đồng Vành là ngôi chùa cổ nằm ở phía Tây Yên Tử thuộc Bắc Giang còn lại đều nằm ở phía Đông thuộc tỉnh Quảng Ninh. Chùa Ngọ nay thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang.

Như vậy, đến giữa thế kỷ 14 thì mối quan hệ giữa Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử với cả nước phát triển tới đỉnh cao. Hệ thống Phật giáo Trúc Lâm với bốn trung tâm là Vĩnh Nghiêm, Thanh Mai, Yên Tử và Quỳnh Lâm đã hoàn thiện. Ở Bắc Giang trung tâm Phật giáo Vĩnh Nghiêm đã có mối liên hệ với các chùa trực tiếp như chùa Am Vãi, Yên Mã, Bình Long, Hòn Tháp, Hồ Bắc, Đồng Vành, chùa Cao, Khám Lạng, Hang Non và đã có vai trò tích cực trong việc phát triển Phật giáo Trúc Lâm ở phía Tây Yên Tử.

2. Những dấu ấn, dấu tích, văn bia

Phật giáo Trúc Lâm để lại dấu ấn, dấu tích sâu đậm ở các chùa thuộc dãy núi Yên Tử và phụ cận, mà cụ thể là các chùa thuộc huyện Đông Triều (Quảng Ninh), một số chùa thuộc huyện Chí Linh (Hải Dương) và huyện Lục Ngạn, huyện Yên Dũng (Bắc Giang), còn được gọi là Tây Yên Tử. Tư liệu văn bia và mộc bản ở đây là minh chứng văn bản có giá trị trong việc xác định tính chân thực phản ánh đặc trưng của Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử dưới thời Trần.

Chùa Vĩnh Nghiêm là một trong những chốn tổ của Phật giáo Trúc Lâm, ở đây còn lưu trữ nhiều di sản Hán Nôm của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Trong đó, kho Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm với tổng số 3.050 đơn vị ván khắc đã được tổ chức UNESCO thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ghi danh là Di sản tư liệu Chương trình Ký ức thế giới của khu vực. Chùa hiện còn 8 văn bia (không kể 5 bia bài vị ở tháp sư tổ) phản ánh về lịch sử hình thành, quá trình trùng tu tôn tạo, tô tượng, đúc chuông ở chốn tổ Vĩnh Nghiêm. Sự tu hành của Phật giáo Trúc Lâm được thể hiện ở nhiều kinh sách, trong đó có kho mộc bản. *Kinh Phật có*: Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, A Di Đà Kinh. Đây là 2 bộ kinh chủ yếu dùng trong Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. *Luật giới Phật có*: Đại Thừa Chi Quán, Tỳ Khâu Ni Giới, Sa Di Ni Giới Kinh. Ba quyển này là giới luật tu và thiền cho các tăng ni của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. *Sách có*: Thần Du Tây

Phương Ký, Tây Phương Mỹ Nhân Truyện, Kính Tín Lục, Nhật Trình Yên Tử. Trong đó, tập Nhật trình Yên Tử nói về sự ra đời của Phật giáo Trúc Lâm và phương pháp tu thiền của phái này. Các tăng ni, Phật tử theo dòng Bắc truyền ở Việt Nam đều sử dụng các bộ kinh, luật, sách trên để tu trì hành đạo. Những văn tự chữ Nôm này đã được sử dụng phổ biến, có hệ thống trong trước tác của Phật hoàng Trần Nhân Tông và các cao tăng trong Phật giáo Trúc Lâm cũng như các trí thức đương thời. Điều đó không chỉ thể hiện ý thức độc lập, tự chủ của dân tộc ta trong quá trình tiếp biến văn hóa mà còn là bước ngoặt đánh dấu sự phát triển của hệ thống văn tự Việt Nam. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm chính là di sản tư liệu quý giá của Phật giáo Bắc truyền nói chung và Phật giáo Trúc Lâm Tây Yên Tử nói riêng.

Chùa Hòn Tháp còn giữ được khối đá, thân tháp có ghi bài vị của sư chùa này. Nội dung bài vị như sau: “Huyền Cơ Thiện Cho Pháp Vân Hòa Thượng Vị” (nghĩa là: Bài vị vị hòa thượng có hiệu đạo là huyền cơ thiện Thọ Pháp Vân). Nếu chỉ căn cứ vào các dòng chữ này thì còn nhiều khó khăn cho việc tìm hiểu. Một tư liệu Hán-Nôm đã giúp cho việc tìm hiểu này. Đó là phần chép về chùa Hòn Tháp trong *Đạo giáo Nguyên lưu*. Tư liệu này nói về quá trình vua Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử tu hành. Trên đường đi, vua đã ghé lại nghỉ chân ở chùa Hòn Tháp (trong tài liệu chép là Sơn Tháp Tự). Tài liệu chép: “Đời thứ tư là Nhân Tông Hoàng đế, được diệu chỉ của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Ngày 12-2 năm Mậu Dần lên ngôi hoàng đế. Đổi niên hiệu là Thiệu Bảo. Thái hậu nằm mộng thấy người thần trao cho hai thanh kiếm, bảo rằng: “Trên thượng đế có sắc chú đề người chọn”. Do đó có thi, sinh con trên mình toàn sắc vàng. Vua Thánh Tông đặt tên là Kim Phật cho Nhân Tông là vì thế. Ở bên phải hàng mi của Nhân Tông có nốt ruồi to như hạt đậu đen. Các thức giả nói rằng: “Kỳ lạ như thế tất sau này sẽ làm nên việc lớn”. Đến năm 16 tuổi thì làm Hoàng Thái tử, Điều Ngự cố từ chối hai ba lần, mời em lên thay. Nguyên từ Quốc mẫu đem con gái lớn gả cho. Duyên cầm sắt tuy đẹp nhưng lâu vàng gác ngọc thanh đậm như không. Khi ngài vào núi Yên Tử, đi về phía Đông đến chùa Sơn Tháp, nhà sư ở đó thấy diện mạo lạ thường lấy làm kính trọng lúc đó cũng là ngày Thánh Tông sắc cho quần thần đi bốn phương tìm ngài về. Ngài bắt đắc dĩ phải quay về lên ngôi”⁵. Qua đoạn văn đó, biết rằng lúc Trần

Thái Tông lên Yên Tử vào chùa Sơn Tháp là lúc ngài chưa lên ngôi, tức vào khoảng năm 1274 - 1275. Về sư chùa Sơn Tháp là Hòa thượng Pháp Vân, sách *Truyền Kỳ Mạn Lục* có truyện *Nghiệp oan của Đào Thị* cho biết có sư Pháp Vân tu hành ở núi Lệ Kỳ. Vị sư này tu hành ở thời điểm năm 1349 và đã là sư cụ. Ngược lên thế kỷ 13, Pháp Vân còn nhỏ chỉ có thể là Tiểu của cụ Sơn Tháp Tự mà thôi. Như vậy, cái thời Nhân Tông đến chùa Sơn Tháp là ứng với thầy của Hòa thượng Pháp Vân. Tiếc rằng nếu đúng như vậy thì hai tháp nữa của chùa này cũng bị đào phá đi mất rồi nên không rõ hơn được nữa. Tuy thế, với chút ít tư liệu khắc trên bài vị ngôi tháp cổ ở đây cũng cho ta thấy chùa Sơn Tháp cũng là một cơ sở của Phật giáo Trúc Lâm.

Chùa Khám Lạng ở xã Khám Lạng, huyện Lục Nam được khởi dựng từ thời Trần, nơi ghi dấu Tam tổ Trúc Lâm. Chùa còn lưu một hương án đá, trên đó có khắc văn tự khắc ở đầu hồi hương án hai dòng chữ Hán có nội dung: *Năm Nhâm Tý, niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432), ông Lưu Cầu, làm quan Hạ phẩm ở xã Khám Lạng cùng vợ là Đỗ Xú công đức.*

Văn bia có nội dung liên quan đến việc xây dựng, tôn tạo các bảo sái thờ Phật có niên đại sớm nhất là văn bia thời Trần phát hiện ở chùa Hang Tràm (Nham Nguyệt Tự) ở xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng mới được phát hiện năm 2000. Văn bia được soạn khắc năm Xương Phù thứ 11 (1387). Bài văn bia khắc ghi nhiều sự kiện liên quan đến việc khởi dựng, cấu tác, chấn hưng Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ở một bảo sái thờ Phật thời kỳ giữa và cuối thế kỷ 14. Vì bị chôn vùi nhiều thế kỷ dưới lòng đất nên lòng văn bị mờ mòn nhiều chữ không khôi phục được trọn vẹn nội dung. Nhưng với những chữ còn lại, văn bia cho biết nội dung đại lược về quá trình khởi dựng, tôn tạo chùa Hang Tràm gắn với sự tu trì của các Đại thiện sư Phật giáo Trúc Lâm ở chốn tùng lâm trên dãy núi Nham Biền ở nửa sau thế kỷ 14. Vì văn bia bị mờ mòn, mất nhiều chữ, không khôi phục được đầy đủ nội dung nên chỉ lược dịch được nội dung văn bia như sau: *Miền đất này từ lâu đã có nơi thờ Phật. Sau có người được tôn xưng là Hoàng Bà sống vào khoảng thời vua Trần Anh Tông (1293-1314) đã đến đây xây tháp, tạc tượng để thờ Phật trên nền thảo am của nhà sư họ Đỗ... Đến năm Tân*

Dậu niên hiệu Đại Khánh thứ 8 (1321) Hoàng Bà lại khởi công các công trình như: Phật điện, gác chuông, tăng phòng và hành lang hai bên tả hữu. Phía trước chùa nhìn ra sông Thương, có hàng tùng bách xum xuê dẫn thẳng vào chùa. Chùa tọa trên thế núi cao, thật xứng là nơi non xanh nước biếc gọi cảnh gọi tình. Việc tôn tạo hoàn tất thì Hoàng Bà cho người thỉnh mời Hòa thượng Đại Không về cư trú và giảng pháp. Hòa thượng Đại Không lại thỉnh mời Thiện Nhân thiền sư về cư trú. Thiền sư cho sửa sang tu chỉnh làm cho chốn thiền lâm thêm xán lạn, xứng với công lao người trước đã tạo dựng và không hề thờ ơ, sao nhãng việc hương khói phụng Phật. Nhưng rồi vật đổi sao rời, qua mấy chục năm thiên tai địch họa, mưa gió phũ phàng hủy hoại làm cho cảnh chùa tan hoang mái đổ tường xiêu. Nơi từng lâm ngày nào nay hoang phế trở thành nơi nghỉ chân cho trẻ mục đồng cùng đám tiểu phu... Đến tháng 3 mùa xuân năm Đinh Mão niên hiệu Xương Phù (1387) nhà sư trụ trì không nỡ để cảnh chùa ngày thêm tiêu điều đã trùng tu tôn tạo và nhờ người soạn văn bia ghi lại sự việc đã qua⁶.

Ở khu vực chùa Bình Long, bên vách đá giếng nước có hai chữ “Thanh Thủy”, theo quan niệm tu hành xưa - người tu hành rất lưu tâm tới sự thanh tịnh đó chính là lý tưởng phải đạt đến của các thiền sư và môn đệ. Người tu hành trong núi tầm gọi tâm mình trong cảnh sắc sơn nguyên này cũng để đạt được chữ “Thanh Tịnh” giếng nước ở nơi này một mặt là sơn nguyên thực tại, nhưng mặt khác lại là ý niệm phải đạt đến của các sư. Trong cách tu ở núi, hành giả chú trọng về ý niệm mà hạn chế ngôn từ. Vì thế có thể hiểu rằng đây là một yếu tố góp phần tìm hiểu một trong ba yếu tố của Phật giáo Trúc Lâm là: Mật - Tịnh - Thiền. Cho nên có thể nói rằng, tuy câu chữ ngắn mà ý niệm của nó rất rộng và đậm chất Trúc Lâm.

Cụm văn bia chùa Khâm huyện Lục Nam, Bắc Giang có 2 bia. Một bia khắc năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ghi việc tạo một bệ đá hoa sen; một bia khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) ghi việc tạo bệ tượng và ba pho tượng. Bệ Phật được tạo dựng vào đầu thời Lê Sơ, năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ở chùa Khâm Lạng có kiểu dáng như các bệ đá hoa sen thời Trần. Điều đó cho thấy, nơi đây vốn nằm trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm thời Trần, được duy trì và tái tạo nối tiếp

sau đó vào thời Lê Sơ. Còn bộ tượng khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) là bộ Phật, gồm ba bộ. Nội dung văn bản ghi việc công đức tạo tượng và công đức cúng áo Phật, cả thấy 4 chiếc.

Phật giáo Trúc Lâm còn phát triển nhánh lên vùng Lục Ngạn. Cho đến nay, cơ sở xác định điều đó được tư liệu Hán-Nôm ở chùa Am Vãi ghi chép. Trên vườn chùa còn ngôi tháp đá cổ thời Trần *Liên Hoa Bảo Tháp* (Tháp báu Liên Hoa): *Trúc lâm viên tịch ma ha bất thương Tỳ khưu như liên thiên sư hóa thân bồ tát cần vị*, nghĩa là “Vị thiên sư là ma ha bất thương tỳ khưu như hóa thân làm Bồ Tát được viên tịch về chốn tổ Trúc Lâm”. Tìm hiểu thêm về chùa Am Vãi thấy trong mục Sơn Xuyên, sách *Lục Nam Địa Chí* (soạn cuối thế kỷ 19) viết: *Núi Am Ni, ở phía đông bắc xã Nam Điện, cao hơn ngàn trượng, lên núi có thể nhìn được các đường núi ở bốn xung quanh thuộc Đông Triều và Lạng Giang. Có một giếng ở đỉnh núi, nước rất trong ngon. Lại có chùa cổ, tương truyền là nơi Công chúa nhà Trần xuất gia tu hành ở đó*⁷. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* khi chép về vị trí núi non tỉnh Bắc Ninh đã ghi về núi Am Ni (tên khác của Am Vãi) như sau: *Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía nam huyện Lục Ngạn mạch núi từ Phật Sơn, Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng nước trong không bao giờ cạn, cạnh núi có hai cái bồn bằng đá, trên núi có hòm chùa cũ*⁸.

Như vậy, ngoài mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, với số văn bia ít ỏi còn sót lại đã giúp ta biết được các ngôi chùa thuộc Phật giáo Trúc Lâm được mở mang, phát triển khắp các nơi có non cao cảnh đẹp ở vùng Na Ngạn xưa (nay thuộc phần đất Lục Ngạn, và một phần huyện Yên Dũng). Tuy ít ỏi nhưng những văn bia thời Trần còn lại trên đất Bắc Giang đã góp phần giúp người đời phác thảo được diện mạo Phật giáo Trúc Lâm ở thế kỷ 14.

3. Đặc điểm Phật giáo Trúc Lâm thời Trần trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

3.1. Sự ngưỡng mộ Phật giáo

Phật giáo Trúc Lâm thời kỳ này ảnh hưởng sâu sắc ở các làng xã tỉnh Bắc Giang. Niềm tin của người dân vào Phật giáo rất mạnh mẽ, nhiều ngôi chùa luôn được được quan tâm, công đức, tu tạo.

Văn bia *Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc Tự* của Lê Quát cũng là tư liệu phản ánh về Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử ở thời kỳ này, đặc biệt cho chúng ta thấy rõ niềm tin Phật giáo rất sâu sắc, mặc dù Nho giáo đã bắt đầu len lỏi vào trong đời sống xã hội. “Nhà Phật lấy chuyện họa phúc tác động tới lòng người, sao mà cảm phục được người ta sâu và bền vậy! Trên từ vương công, dưới đến thường dân, phàm là đóng góp cho việc nhà Phật, thì dù có dốc hết tiền của, cũng không tiếc. Giá như hôm nay có gửi gắm được gì vào tháp chùa thì hơn hờ như thể cảm được khế khoản trong tay, để ngày mai được báo đáp. Cho nên từ trong Kinh thành cho đến ngoài châu phủ, kể cả những nơi thôn cùng ngõ hẻm, không bảo mà người ta cứ theo, không hẹn mà người ta cứ tin; hễ nơi nào có nhà ở, là ắt có chùa chiền, bỏ rồi lại dựng, hỏng rồi lại sửa, số chuông trống lâu đài chiếm gần một nửa dân cư. Đạo Phật rất dễ thịnh hành và rất được người ta tôn sùng. Ta ngày còn trẻ đi học, dốc chí vào việc cổ kim, cũng biết qua về đạo Thánh, muốn lấy đó để giáo hóa nhân dân, nhưng rốt cục chưa có thể làm cho một hướng nào tin theo cả. Ta cũng thường dạo chơi sông núi, dấu chân đã để lại trong hầu nửa thiên hạ, thế mà chưa tìm thấy một trường học hay một văn miếu nào. Chính vì vậy mà ta rất lấy làm hổ thẹn khi so sánh với tín đồ nhà Phật, bèn viết ra đây để giải tỏ lòng ta”⁹. Văn bia chùa Vĩnh Nghiêm còn ghi rõ nhiều người dân kể cả vương thân quốc thích đã đóng góp nhiều ruộng cúng cho chùa: “Đức tổ Điều Ngự Phật hoàng Trần Nhân Tông khai mở tông lâm Vĩnh Nghiêm thì kéo theo mở cả chợ chùa. Các vị vương thân quốc thích và khắp thập phương đã phát tâm tậu nhiều ruộng cúng cho chùa, gồm cả ruộng trong xã và ruộng ở các hạt khác nữa”¹⁰. Năm 1305, nhân chuyến theo vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe Thiền sư Pháp Loa thuyết pháp, Huyền Quang đã có niềm tin vào Phật giáo, ngộ đạo và xin xuất gia tại đây, ông đã: “dâng biểu đến ba lần xin từ chức để xuất gia học đạo tu hành. Thừa ấy, vua đang tôn sùng Phật giáo nên người chấp nhận. Ngài thọ giáo với Thiền sư Pháp Loa, được pháp hiệu là Huyền Quang”¹¹.

Trên bệ tượng Tam thế Phật Di Đà chùa Khám Lạng ở xã Khám Lạng, huyện Lục Nam khắc nội dung phản ánh sự đóng góp vào chùa của các Phật tử: “Ngày mùng 7, tháng Hai năm Hồng Đức thứ 25

(1494). Tín chủ là Lưu Thị Luận đứng ra tạo tượng Phật Tam tôn. Bà có tên hiệu là Thiện Duyên cúng 03 quan, ...; ông Thuận Tâm cúng 01 quan; ông Chánh Niệm cùng bà...; bà Từ Tín, ông Ngự cùng bà Hữu Phúc cúng 01 quan; ông Nguyên Tâm cùng bà cúng 05 tiền; (ông) Trần Xứng cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị Đoan cúng 01 chiếc áo. Ông Phú Sơn ở xã Chỉ Tác, huyện Lục Ngạn cùng bà cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị Giám ở xã Đông Lạc cúng tiền 05 mạch”. Với việc các tín thí hưng công đóng góp tạo hương án và bộ chân tảng, các bệ tượng đá uy nghi, đường nét chạm khắc cầu kỳ, tinh tế... cho thấy chùa có quy mô rất lớn và nhận được rất nhiều sự đóng góp của sãi, vãi, Phật tử.

Những dấu ấn, dấu tích, văn bia đã phần nào cung cấp lượng thông tin quý giá cho biết niềm tin vào Phật giáo Trúc Lâm đã có ảnh hưởng sâu sắc ở các làng xã Bắc Giang.

3.2. Thực hành Phật giáo

Phương pháp thực hành Phật giáo Trúc Lâm đa dạng thích ứng với mọi tầng lớp trong xã hội, gắn kết mật thiết giữa Phật giáo và Nhà nước, tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển xã hội.

Theo *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang, vào thời Trần thì các tu viện, đại danh lam Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Siêu Loại, Vĩnh Phúc, Báo Ân, An Lạc, Tàng Viện... là những cơ sở được chọn làm đạo tràng an cư kiết hạ trọng điểm có sự bảo trợ của triều đình, ưu tiên cho những ai là tăng sĩ ưu tú thuộc Phật giáo Trúc Lâm. Có thể nói Vĩnh Nghiêm là một trong những đạo tràng an cư kiết hạ thuộc cấp trung ương giáo hội, mang tính kiểu mẫu thời đó. *Tam Tổ Thực Lục* ghi: “Ngày mùng một tháng Giêng, năm Mậu Thân (1308), Điều Ngự sai Pháp Loa nhận chức trụ trì để nối dòng pháp tại chùa Báo Ân, huyện Siêu Loại. Tháng tư, Điều Ngự đến kiết hạ tại chùa Vĩnh Nghiêm ở Lạng Giang, giảng truyền đăng lục, lại sai Pháp Loa giữ chức trụ trì, bảo Quốc sư Đạo Nhất giảng kinh Pháp cho đại chúng”¹². Mỗi kỳ an cư là mỗi lần giáo hội cùng phối hợp với triều đình có chủ trương xây dựng, thiết kế chương trình tu học thời khóa thật cụ thể, để sau một mùa an cư đều đem lại sự đắc pháp cho các hành giả và lợi lạc cho mọi người dân Phật tử.

Căn cứ vào các thư tịch còn lại như *Khóa Hư Lục*, *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi* của Trần Thái Tông; *Thiền Lâm Thiết Chủ Ngữ Lục*, *Thạch Thất Mỹ Ngữ*, *Cư Trần Lạc Đạo Phú*... của Sơ tổ Trúc Lâm; *Tham Thiền Yếu Chỉ*, *Pháp Sư Khoa Văn* của Nhị tổ Pháp Loa; hoặc các thư tịch như *Tam Tổ Thực Lục*, *Thánh Đăng Lục*... thì thấy, chương trình tu học trong ba tháng an cư được thiết lập với quy củ thiền môn đậm nét Phật giáo Đại Việt. Với ý nghĩa quan trọng của việc tu trì giới luật, chính Pháp Loa, người lãnh đạo Giáo hội Trúc Lâm đã từng hiệu đính bộ *Tứ Phần Luật*, khắc in 5.000 bản lần đầu tiên vào năm 1322, tổ chức khóa học *Luật Tứ Phần* cho các hành giả tu trì. Điều đáng nói là Tổ đã mời các vị cao tăng như Quốc sư Tông Kính và Quốc sư Bảo Phác đến các đạo tràng giảng giới luật. Sách *Tam Tổ Thực Lục* ghi: “Tư Đồ Văn Huệ Vương mời sư về dinh thự An Long giảng kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, nhân tiện, sư xem lại bản *Tứ Phần Luật San Bồ Sao*, in để ấn tống hơn 5.000 quyển. Sư nhờ Quốc sư Tông Kính ở Du Tiên, Quốc sư Bảo Phác ở núi Vũ Ninh đến chùa Siêu Loại giảng bộ Luật này”¹³. Các bộ kinh như *Pháp Hoa*, *Hoa Nghiêm*, *Lăng Nghiêm*, *Bát Nhã* được Giáo hội Trúc Lâm đưa vào chương trình giảng dạy ở các khóa học đạo tràng. Bởi vì đây là những bộ kinh quan yếu của hệ thống kinh điển Đại thừa, các hành giả y cứ vào đó thực thi Thiền - Giáo song hành mà chứng ngộ; cũng là cơ sở lý luận hình thành học thuyết Cư trần lạc đạo mà Sơ tổ Trúc Lâm chủ trương để phục vụ cho đường lối hoạt động của Giáo hội Trúc Lâm, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, đạo pháp trường tồn.

Trên hết, kỳ an cư kiết hạ, thực sự đã làm sống dậy tinh thần Phật giáo Đại Việt, góp phần làm nên lịch sử dân tộc, lịch sử Phật giáo nước nhà. Cho nên, bất cứ tăng sĩ nào trong thời Trần đều cũng ao ước được trở về Vĩnh Nghiêm, Yên Tử để kiết hạ. Rõ ràng chùa Vĩnh Nghiêm thật sự trở thành trung tâm hoằng pháp, cơ sở đào tạo tăng tài, nơi hội tụ quần chúng tu học giáo lý Phật thuộc hệ thống Phật giáo Trúc Lâm thời Trần. Chính đặc trưng này mà Phật giáo Trúc Lâm đã được các vương triều Nhà Trần ủng hộ, quần chúng tin theo, điều đó cũng có nghĩa các tăng sĩ thời Trần là những nhà tu hành có giới đức thanh tịnh, định lực kiên cố, và trí tuệ thắng chứng đã góp phần làm cho đạo pháp trường tồn, dân tộc hưng thịnh.

3.3. Cộng đồng Phật giáo

Phật giáo Trúc Lâm có đặc trưng xã hội, thực tế và nhập thế, liên kết cộng đồng. Phật giáo Trúc Lâm đã tạo ra một nét mới riêng biệt cho Phật giáo Việt Nam, đáp ứng ngay niềm tin của đại đa số quần chúng. Cho nên, được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ tham gia. Chưa bao giờ trong lịch sử Phật giáo có cộng đồng tín đồ tham gia thực hành đông đến thế. Trần Nhân Tông đứng ra lãnh đạo và xây dựng hệ thống tổ chức giáo hội, truyền y bát cho Pháp Loa làm Đệ nhị Tổ và giao trọng trách lãnh đạo giáo hội Trúc Lâm. Với tài năng của Pháp Loa, Ngài làm cho giáo hội Trúc Lâm càng rực rỡ hơn. Vào thời điểm này, số lượng tăng ni quá đông, cứ mỗi năm tổ chức thọ giới phải loại ra hàng nghìn người nhưng tính đến năm 1329, “số tăng sĩ đã được xuất gia trong những giới đàn do Giáo hội Trúc Lâm tổ chức dưới quyền lãnh đạo của Pháp Loa là trên 15.000 vị”¹⁴. Tính đến khi viên tịch (năm 1330), “ Sư đã tạo hơn 1.300 tượng Phật lớn nhỏ, hai bộ tượng sơn mài, hơn trăm tượng bằng đất, dựng hai cảnh chùa lớn và năm ngôi tháp, lập hơn 200 tăng xá, độ hơn 15.000 tăng ni, in một bộ Đại tạng kinh. Những đệ tử đắc pháp hơn 3000 người đã liệt kê ở lược đồ. Pháp sư có 6 người, như Tuệ Nhiên, Tuệ Chúc, Hải Ấn, v.v... đều hành pháp đắc lực. Còn Hoàng Tế và Huyền Giác hiện đang chăm sóc tháp của Sư”¹⁵. Trong hơn 200 tăng đường mà Pháp Loa cho xây dựng, chùa Vĩnh Nghiêm là một trung tâm, địa điểm quan trọng trong hệ thống Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Ông đã huy động cả giới quý tộc nhà Trần vào việc xây dựng chùa tháp lúc bấy giờ. Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm là báu vật quốc gia giúp chúng ta hiểu rõ hơn về tư tưởng, giáo lý, lịch sử, con người và sự phát triển của Phật giáo Trúc Lâm thấm nhuần trong đời sống cộng đồng, như tác giả Nguyễn Quốc Tuấn nhận định: “Tư tưởng, giáo lý hành đạo của Phật giáo Trúc Lâm được in ra từ mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm đã được bảo lưu, quảng bá trong một thời gian dài. Tư tưởng ấy đã thấm nhuần trong đời sống cộng đồng và lan tỏa ảnh hưởng ra ngoài lãnh thổ quốc gia. Ở Việt Nam, hiện có hàng trăm Thiền viện thuộc Phật giáo Trúc Lâm, biểu tượng của nó không phải chỉ có ở Bắc Giang mà xuất hiện nhiều nơi, tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm phát triển khá mạnh mẽ và có ảnh hưởng sâu rộng đến Phật tử nhiều nước trên thế giới”¹⁶.

Những nội dung nêu trên đã cho chúng ta thấy, kể từ khi xây dựng, chùa Vĩnh Nghiêm trở thành trung tâm Phật giáo của cộng đồng Tây Yên Tử thời Trần, những đóng góp của Pháp Loa đối với cộng đồng Phật giáo Tây Yên Tử là rất lớn. Phật giáo Trúc Lâm có sức hấp dẫn, thu hút nhiều tầng lớp trong cộng đồng xuất gia. Dân chúng sùng kính đạo Phật, chùa chiền được xây dựng ở khắp nơi. Phật giáo Trúc Lâm là một yếu tố quan trọng liên kết cộng đồng thời kỳ này.

Kết luận

Đến thời Trần, hòa nhịp trong trào lưu Phật giáo Đại Việt phát triển lên tầm cao mới với việc trí thức hóa, bản địa hóa Phật giáo và sự định hình Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử cuối thế kỷ 13 do Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập mang đậm sắc thái văn hóa dân tộc thì đồng thời xuất hiện các trung tâm Phật giáo lớn ở hai sườn Đông, Tây dãy Yên Tử. Cùng với việc xây dựng, mở mang hệ thống chùa chiền ở sườn Đông Yên Tử, ở bên sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang là sự phân bố của hệ thống Phật giáo Trúc Lâm như Chùa Sơn Thập, chùa Bát Nhã, chùa Hồ Bắc, chùa Bình Long, chùa Am Vãi, v.v... Đặc biệt, với sự tiếp nối các sư tổ, chùa Vĩnh Nghiêm đã trở thành trung tâm với quy mô lớn để đào tạo tăng đồ của Phật giáo Trúc Lâm. Cho nên, những năm cuối thế kỷ 13 đầu thế kỷ 14, miền đất ở sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang cũng được xem như kinh đô Phật giáo thời Trần. Như vậy, có thể nói rằng, dọc theo dãy Tây Yên Tử ở Bắc Giang từ thời Trần có một hệ thống chùa cổ, đã phần nào giúp chúng ta xác định rằng, Phật giáo Trúc Lâm đã phát triển mạnh mẽ, từ sơn môn Yên Tử xuống đồng bằng và lấy trung tâm Phật giáo ở Vĩnh Nghiêm làm trụ sở của “Giáo hội”. Có thể khẳng định, trong lịch sử, hệ thống di tích và danh thắng Tây Yên Tử và chùa Vĩnh Nghiêm trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đóng một vai trò quan trọng và là một phần không thể tách rời trong quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, gắn với Phật giáo Trúc Lâm, mang đặc trưng đậm bản sắc Việt, do các thiền sư Việt Nam đã chọn lọc và “Việt Nam hóa” được những tư tưởng cao đẹp từ Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa. Đặc điểm lớn của Phật giáo Trúc Lâm là ở chỗ luôn nhập thế đồng hành cùng dân tộc, thể hiện đậm bản sắc cộng đồng dân tộc Việt, góp

phần củng cố và nâng cao ý thức liên kết cộng đồng, tinh thần độc lập tự chủ. Bảo vệ và phát huy những đặc trưng này trong xu thế hội nhập, phát triển hiện nay là một việc làm cần thiết, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, thúc đẩy công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội đất nước. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hà Văn Tấn (1992), *Chùa Việt Nam*, Hà Nội: 12.
- 2 Quốc sử quán triều Nguyễn, (1971), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 77.
- 3 Bảo tàng Bắc Giang (2011), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn phát huy các giá trị di sản văn hóa Lý-Trần tỉnh Bắc Giang*, Nxb. Thông Tấn: 112.
- 4 Nguyễn Xuân Cẩn, Nguyễn Huy Hạnh, Nguyễn Hữu Tự (2004), *Chốn tổ Vĩnh Nghiêm*, Bảo tàng Bắc Giang xuất bản, Bắc Giang: 88.
- 5 *Đạo Giáo Nguyên Lưu* của An Thiền viết vào năm 1845, Tài liệu Lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mã số 2675.
- 6 Bìa Vô đề thời Trần, chùa Nham Nguyệt, xã Tân Liễu, huyện Yên Dũng, Bắc Giang.
- 7 Bìa bài vị chùa Am Vải, thôn Biềng, xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.
- 8 Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.
- 9 Nguyễn Huệ Chi (1977), *Thơ văn Lý Trần*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 10 Bìa công đức các đời mở mang và trùng tu chùa Vĩnh Nghiêm xã Đức La, dựng năm 1932.
- 11 Thích Phước Sơn dịch (1995), *Tam Tổ Thực Lục*, Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành: 80.
- 12 Thích Phước Sơn dịch (1995), *Tam Tổ Thực Lục*, Sdd: 19.
- 13 Thích Phước Sơn dịch (1995), *Tam Tổ Thực Lục*, Sdd: 49.
- 14 Thích Phước Đạt (2007), *Giáo hội Phật giáo nhất tông đời Trần*, Báo Giác ngộ, số 410: 27.
- 15 Thích Phước Sơn, *Tam Tổ Thực Lục*, Sdd: 54.
- 16 Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Quế Hương (2017), “Phác thảo giá trị di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1&2: 57-58.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Bắc Giang (2011), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn phát huy các giá trị di sản văn hóa Lý-Trần tỉnh Bắc Giang*, Nxb. Thông Tấn.
2. *Đạo Giáo Nguyên Lưu* của An Thiền viết vào năm 1845, Tài liệu Lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mã số 2675.
3. Hà Văn Tấn (1992), *Chùa Việt Nam*, Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
5. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

6. Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Thị Quế Hương (2017), “Phác thảo giá trị di sản mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà tỉnh Bắc Giang”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1&2.
7. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm vai trò Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Càn, Nguyễn Huy Hạnh, Nguyễn Hữu Tự (2004), *Chốn tổ Vĩnh Nghiêm*, Bảo tàng Bắc Giang xuất bản, Bắc Giang.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, (1971), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Thích Phước Sơn dịch và chú (1995), *Tam Tổ Thực Lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Thích Thanh Quyết, Nguyễn Quốc Tuấn (2013), *Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308) - Con người và sự nghiệp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

TRÚC LÂM BUDDHISM DURING THE TRẦN IN BAC GIANG: SOME CHARACTERISTICS

Bac Giang, a province in the West of Yen Tu mountain, preserves many relics of Trúc Lâm Buddhist pagodas. They prove a flourishing period of Buddhism with a system of Trúc Lâm Buddhist pagodas such as: Sơn Tháp, Bát Nhã, Hồ Bắc, Bình Long, Am Vãi, etc.. In particular, Vĩnh Nghiêm pagoda has become a training centre of Trúc Lâm Buddhist monks. In the late 13th and early 14th centuries, the land on the western side of Yen Tu (Bac Giang province) was regarded as the Buddhist capital of the Trần dynasty. Over the time, the system of Trúc Lâm Buddhist monuments and Vĩnh Nghiêm pagoda in Bac Giang province has played an important role and has been an integral part of the Yen Tu cultural heritage associated with Trúc Lâm Buddhism. This article indicates some characteristics of Trúc Lâm Buddhism during the Trần in Bac Giang through its distribution, inscriptions, and relics in the West of Yen Tu.

Keywords: Buddhism, characteristics, Trúc Lâm Buddhism, the Trần, Bac Giang.